

PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM VỀ BẤT KHẢ KHÁNG

DẪN ĐỀ

Từ thời điểm đại dịch Covid-19 rồi sau đó là các cuộc xung đột thương mại hay quân sự, điều khoản bất khả kháng, một điều khoản gần như bị lãng quên trong quá khứ, đã trở lại và chứng minh tầm quan trọng của mình. Các bên hợp đồng, từ những doanh nghiệp lớn như ngân hàng, bảo hiểm, hàng không đến các doanh nghiệp khác như sản xuất, cung ứng, dịch vụ v.v. đều nhận ra tầm quan trọng của điều khoản này. Nó quan trọng vì khi giao dịch có sự cố ví dụ như một bên không thể giao hàng hay thanh toán, vậy bên nào sẽ chịu thiệt hại?

Các câu hỏi cụ thể liên quan đến điều khoản bất khả kháng có thể thấy như nếu doanh nghiệp tôi bị ảnh hưởng bởi đại dịch hay cấm vận thương mại, không thể sản xuất và giao hàng theo hợp đồng, vậy tôi có thể viện dẫn điều khoản bất khả kháng để từ chối hoặc đề nghị dời thời gian giao hàng? Các sự kiện trên có thể cho tôi quyền yêu cầu bên bảo hiểm bồi thường/thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm rủi ro gián đoạn kinh doanh hay rủi ro chính trị? Doanh nghiệp tôi vay ngân hàng, nay vì cấm vận, hàng không bán được, liệu tôi có thể viện dẫn điều khoản bất khả kháng để từ chối hay trì hoãn thanh toán nợ và lãi vay v.v.?

Bài viết này đề cập đến khái niệm hay chế định “bất khả kháng” theo pháp luật Việt Nam, có so sánh với một số hệ thống trên thế giới nhằm làm rõ hơn điểm ưu và khuyết của các quy định hiện tại của pháp luật Việt Nam.

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

Các quy định cơ bản về chế định bất khả kháng của Việt Nam được nêu tại Bộ Luật dân sự 2015 (BLDS) và Luật Thương mại 2005 (LTM).

Cụ thể, Điều 156.1 BLDS định nghĩa: “*Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.*”¹

Theo định nghĩa trên, để một giao dịch/tình huống có thể áp dụng quy định về bất khả kháng hay không, bên liên quan phải trả lời được ba câu hỏi của bộ luật: (1) Đó có phải là sự kiện khách quan (tức là không chủ quan) và không thể lường trước (đối với bên bị ảnh hưởng) hay không? (2) Sự kiện này có thể khắc phục được hay không? (3) Cũng liên quan đến điều kiện (2), bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép hay chưa?

Nếu thiếu chỉ 1 trong 3 điều kiện nói trên, việc không thể thực hiện hợp đồng của một bên không thỏa mãn các điều kiện của luật về bất khả kháng để được áp dụng hậu quả bất khả kháng.

¹ Bình luận của người viết: Định nghĩa của BLDS là đầy đủ và khá dễ hiểu. BLDS Việt Nam tiến bộ hơn so với các BLDS khác trên thế giới như Pháp, Đức, Nhật v.v. khi có định nghĩa về bất khả kháng. Trên thực tế, BLDS được làm mới đây, Việt Nam có lẽ đã có thời gian học hỏi các bộ luật mẫu châu Âu về hợp đồng trong đó có chế định bất khả kháng (*force majeure*). Tại các hệ thống khác, định nghĩa và diễn giải về thế nào là bất khả kháng phải nằm trong sách giáo khoa luật và án lệ.

Điều 351.2 BLDS quy định về hậu quả của bất khả kháng như sau: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*” Tương tự như vậy, Điều 294.1(c) của LTM cho phép giải trừ trách nhiệm của bên có nghĩa vụ trong trường hợp bất khả kháng.

MỘT SỐ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

Câu hỏi 1: BLDS/LTM quy định rằng khi sự kiện bất khả kháng xảy ra thì bên có nghĩa vụ được miễn “trách nhiệm” (ví dụ không phải giao vật, bồi thường thiệt hại v.v.) thế nhưng “trách nhiệm” của bên đối tác trong trường hợp này còn tồn tại không? Cụ thể, tôi không thể sản xuất, giao hàng đúng hạn vì bất khả kháng nhưng tôi đã bỏ tiền mua nguyên vật liệu, trả lương nhân công v.v. Vậy tôi có được quyền yêu cầu bên mua phải thanh toán cho chi phí tương ứng của mình?

Trả lời: Trừ hợp đồng tặng cho, hợp đồng trong đời sống thực tiễn đa phần mang tính chất song vụ. Song vụ có nghĩa là cả hai bên cùng có nghĩa vụ tương ứng với nhau. Ví dụ một bên có nghĩa vụ giao vật/cung cấp dịch vụ; bên kia có nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nếu pháp luật (hoặc thỏa thuận của các bên tại hợp đồng) cho phép áp dụng sự kiện bất khả kháng, giải trừ nghĩa vụ của một bên (không phải giao hàng v.v.) thì với tư cách song vụ, nghĩa vụ của bên kia sẽ được giải trừ tương tự (không phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán v.v.) mặc dù bên kia có hay không đã phải chịu những phí tổn nhất định. Các bên trở lại vị trí như chưa từng lập hợp đồng.²

Câu hỏi 2: Mở rộng câu hỏi trên đến trường hợp nếu bên mua lại có nghĩa vụ liên quan với bên thứ ba. Ví dụ nếu nhà sản xuất chip máy tính không thể giao hàng cho bên nhập khẩu vì bất khả kháng (do lệnh cấm xuất khẩu chip). Bên nhập khẩu vì lẽ này cũng không thể giao hàng cho các bên mua lại của mình như các doanh nghiệp điện tử, viễn thông v.v. Vậy nghĩa vụ/trách nhiệm của bên nhập khẩu với các bên mua lại sẽ như thế nào? Có thể áp dụng điều khoản về bất khả kháng?

Trả lời: Việc một bên không thể thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba vì đối tác của mình bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng là một yếu tố để xác định xem bên không thực hiện nghĩa vụ có bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng hay không. Tuy nhiên, lưu ý quan trọng ở đây là, trong mọi trường hợp, để có thể áp dụng các quy định về bất khả kháng, 3 điều kiện luật định nêu trên luôn phải được thỏa mãn. Trở lại với trường hợp bên nhập khẩu chip máy tính nói trên, bên này ít nhất phải chứng minh được rằng mình “*đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*” (bên cạnh việc thỏa mãn 2 điều kiện 1 và 2 để có thể áp dụng hậu quả bất khả kháng). Cụ thể là đã tìm nhưng không thể tìm được nguồn cung khác thay thế để có thể sản xuất và cung ứng cho các bên mua lại v.v.

Câu hỏi 3: Sự kiện bất khả kháng có áp dụng đối với nghĩa vụ thanh toán tiền hay không? Cụ thể, bên đi vay ngân hàng hoặc bên có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán có thể viện dẫn điều khoản bất khả kháng (vì dịch bệnh không bán được hàng, vì bị mất tiền v.v.) để từ chối hoặc trì hoãn nghĩa vụ thanh toán?

Trả lời: Liên quan đến nghĩa vụ thanh toán, các bên cần lưu ý đến các hạn chế quan trọng để có thể áp dụng hậu quả bất khả kháng. Điều 351.2 BLDS quy định rằng bên bị ảnh hưởng được sẽ được miễn trừ “trách nhiệm” nhưng với điều kiện là “... *trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp*

² Bình luận của người viết: Giải thích về nghĩa vụ tương ứng hay giáp lưng trên trên nằm tại sách giáo khoa luật của nhiều nước. Tiếc là nó dường như không hiện diện tại sách giáo khoa luật của Việt Nam. Vì vậy khiến việc hiểu và diễn giải hậu quả này trên thực tế thường lúng túng.

luật có quy định khác.”

Liên quan đến nghĩa vụ thanh toán trong các hợp đồng điển hình là hợp đồng mua bán và hợp đồng vay, BLDS quy định rằng: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*” (Điều 440.1 BLDS - Nghĩa vụ trả tiền); “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” (Điều 466.1 BLDS - Nghĩa vụ trả nợ của bên vay).

Như vậy, chúng ta có thể thấy quan điểm của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán và hợp đồng vay khi có viện dẫn đến bất khả kháng. Đây cũng là thông lệ chung trên thế giới đối với việc áp dụng sự kiện bất khả kháng trong nghĩa vụ thanh toán. Các hệ thống pháp luật tiên tiến đều có cách tiếp cận giống nhau là nghĩa vụ thanh toán không được giải trừ vì lý do “bất khả kháng”. Tức là một bên không thể viện dẫn vì lý do bất khả kháng như bị rơi mất tiền, không bán được hàng v.v. để từ chối thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng.

Câu hỏi 4: Trong trường hợp bất khả kháng thì một hoặc các bên có quyền chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng không (trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về việc chấm dứt vì bất khả kháng tại hợp đồng)?

Trả lời: Tiếc là BLDS và LTM lại không đề cập đến hậu quả này. Các nhà soạn thảo luật mặc dù đã tham khảo đến các bộ luật hợp đồng mẫu của châu Âu³ về bất khả kháng nhưng dường như lại “quên” không quy định về quyền được chấm dứt sau khi đã áp dụng giải pháp gia hạn hợp đồng (nêu tại Điều 296 LTM).

Tại các bộ luật hợp đồng mẫu châu Âu, bên cạnh quy định về việc “giải trừ trách nhiệm” (liability)⁴ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng là quy định về quyền được chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng. Vì vậy, vì các quy định hiện tại của BLDS và LTM không quy định về hậu quả chấm dứt hợp đồng, các bên cần lưu ý đưa hậu quả chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng khi soạn thảo hợp đồng.

Câu hỏi 5: Không phải mọi trường hợp đều thỏa mãn 3 điều kiện luật định về bất khả kháng, nhưng chúng tôi chịu thiệt hại lớn do dịch bệnh hay cấm vận thương mại hay chiến tranh, vậy pháp luật Việt Nam có giải pháp/quy định nào khác để chúng tôi có thể tham chiếu, tránh thiệt hại cho mình?

Trả lời: Đúng là không phải mọi trường hợp không thể hoặc khó thực hiện nghĩa vụ đều thỏa mãn các điều kiện luật định về bất khả kháng. Trở lại trường hợp với việc cung ứng chip máy tính, giả sử rằng lệnh cấm đã được dỡ bỏ, cho phép xuất khẩu chip. Tuy nhiên, lúc này giá chip lại tăng lên gấp 3 lần so với trước đó. Việc sản xuất, cung ứng khẩu trang của nhà sản xuất trong nước cho bệnh viện, nhà thuốc theo hợp đồng cung ứng thường kỳ trở nên một gánh nặng kinh tế cho bên này.

³ Ví dụ: Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế (UNIDROIT Principles on International Commercial Contracts of 2010).

⁴ Bình luận của người viết: Tại hệ thống luật lục địa, hậu quả của bất khả kháng là “giải trừ nghĩa vụ.” Quy định hay giải thích như vậy có lẽ là chính xác hơn là “giải trừ trách nhiệm” trong bối cảnh Việt Nam vì pháp luật Việt Nam phân ra nhiều loại trách nhiệm (như trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm do không thực hiện công việc, trách nhiệm bồi thường thiệt hại v.v. như được quy định tại BLDS). Khi quy định của pháp luật nêu rằng “một bên được giải trừ nghĩa vụ” thì vì là hợp đồng song vụ, các nghĩa vụ tương/đối ứng với nhau, nghĩa vụ của bên kia sẽ được giải trừ tương ứng. Khi nghĩa vụ cả hai bên được giải trừ, hợp đồng đương nhiên chấm dứt. Như vậy, có lẽ nhà làm luật Việt Nam nên sửa đổi cụm từ “không phải chịu trách nhiệm dân sự” thành “được giải trừ nghĩa vụ của mình” trong hậu quả về bất khả kháng tại Điều 351.2 BLDS và Điều 294.1(c) của LTM hiện hành để xác định rõ và chính xác hơn về hậu quả của bất khả kháng.

Trong trường hợp đó, bên bị ảnh hưởng có thể cân nhắc tham khảo Điều 420 BLDS về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Theo điều luật này, một hoàn cảnh đã thay đổi cơ bản khi: (1) Nó xảy ra do nguyên nhân khách quan sau khi hợp đồng được giao kết; (2) Tại thời điểm giao kết, các bên không thể lường trước được hoàn cảnh sẽ thay đổi; (3) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác; (4) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên trừ khi hợp đồng được sửa đổi; (5) Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

Khi hoàn cảnh thực hiện hợp đồng bị thay đổi, thỏa mãn 5 điều kiện nêu trên, Điều 420 BLDS cho phép bên bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu đối tác đàm phán lại hợp đồng. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận mới, một bên có quyền yêu cầu tòa án (hay trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài) chấm dứt hợp đồng hoặc sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền lợi các bên. Đây cũng là một giải pháp mà bên bị ảnh hưởng nên cân nhắc.

Chúng tôi hy vọng bài viết trên giúp ích ít nhiều cho bạn đọc. Xin vui lòng liên lạc với chúng tôi trong trường hợp bạn có câu hỏi cần làm rõ thêm!

Scientia